

ĐÊM NGHE TIẾNG

ÊCH...

NGUYỄN QUANG TUẤN

Kìa ai chín suối Xương không nát

Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn

Nguyễn Khuyến

Tôi là người đồng hương với nhà thơ Trần Tế Xương, dù tôi sinh sau đẻ muộn, tính từ năm nhà thơ mất gần nửa thế kỷ. Tôi yêu cái tên Nam Định có lẽ một phần vì có ông ở đó dấu rằng những địa danh Mỹ Lộc, Vị Xuyên, Vị Hoàng... với tôi, thật bằng lăng, mơ hồ. Tôi cũng không tài nào hình dung nổi thời đại, xã hội mà ông sống. Sách vở cho tôi biết đó là một thời kỳ đầy biến động, chuyển giao giữa hai thế kỷ; nảy sinh và tồn tại những mâu thuẫn xã hội sâu sắc, gay gắt. Và nhà thơ kẹt cứng trong cái vòng đu quay lịch sử khốc liệt ấy, vùng vẫy, quấy đạp để bật lên những tiếng cười dài ngạo mạn, khinh bạc cuộc đời... Người đời tôn xưng Tú Xương là nhà thơ trào phúng nhưng riêng tôi lại cạn hẹp nghĩ thêm rằng nếu như sống ở một thời thế nào đấy, có thể phong cách thơ của ông đã khác. Nếu như con đường công danh, hoạn lộ của ông được hanh thông, chắc là ông sẽ có cái nhìn người, nhìn đời bao dung, độ lượng, khoan hòa hơn. Như Nguyễn Khuyến chẳng hạn. Những bài thơ châm biếm của ông đả kích thật cay độc, trực diện những mẫu người “bẹo hình,

bọ dạng” đương thời nhưng thật lòng, tôi thấy hay mà không thích. Đường như đó là cái cười cợt để khỏa lấp, để bù trừ những hao hụt của số phận. Và chỉ ở một số bài như “Thương vợ”, “Giời nực mặc áo bông”, “Sông lấp”... tôi mới nghe được tiếng thở dài u uẩn, héo hắt của ông. Phút giây nói thật, soi gương nhìn mình đó của nhà thơ làm ta bui ngủi, xúc động. Ta thấy hiển hiện không chỉ là một nỗi buồn, một tâm trạng trừu tượng mà đích thực là hình hài máu thịt của nỗi buồn, tâm trạng đang thoi thóp, khắc khoải. Đằng sau những câu chữ, vần điệu, ấy là chân dung tự họa, là con người thật của Tú Xương không giả trang, tô vẽ.

Thật lạ, tôi luôn bị ám ảnh bởi bài thơ “*Sông lấp*”:

Sông kia rày đã nên đồng

Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai

Đêm nghe tiếng ếch bên tai

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò

Chỉ bốn câu lục bát ngắn ngủi mà dung lượng của nó lại ăm ắp, đầy tràn, như chất chứa cả dòng sông Vị ngày xưa. Tôi thấy con sông miên miết chảy, thấy bến dò heo hút rồi hiện ra đồng bãi, nhà cửa mọc lên lúp xúp. Rồi tôi nghe tiếng trở mình thao thức của nhà thơ trong tĩnh lặng đêm và bóng tối, tiếng ếch kêu văng vất trong mênh mông mơ hồ. Thế thôi. Ba câu đầu chỉ là những lời kể chuyện nhỏ nhẹ bình thường nhưng với tôi, tuyệt bút nhất lại là cụm từ “*Giật mình còn tưởng*”. Tú Xương đã từng viết: “*Đem nảo đêm nao tố cũng buồn*” và có lẽ bài thơ “*Sông lấp*” cũng ra đời vào một cái đêm nào đó như vậy. (Câu ba của bài thơ có một dị bản: thay từ “*Đêm*” bằng từ “*Vẳng*” nhưng tôi cho rằng “*Đêm*” hợp lý hơn với thi pháp thời gian nghệ thuật). Không biết tiếng ếch kêu có giống với tiếng người gọi dò không nhưng điều đó có hề gì. Ta chỉ cần biết đấy là tiếng gọi của tâm thức sâu

thăm vọng về, là tiếng gọi của quá khứ dội lại từ những vách đá ngày tháng phẳng lì. Cái “*giật mình*” của Tú Xương là sự ngỡ ngàng, nghi hoặc, sững sờ. Hẳn có đôi lúc vì gia cảnh túng bấn đeo đẳng, con cái nheo nhóc, vì luôn chạm mặt những nhớ nhãng của người đời mà ông quên mất đi sông Vị, quên cả bến đò và con đò nơi thường ngày bà Tú “*lặn lội thân cò, chạy ăn từng bữa toát mồ hôi*”. Rồi con sông bị lấp. Rồi bến đó biến mất. Rồi nhà phố, bãi bồi thay thế. “*Thương hải biến vi tang điền*” (Thần tiên truyện), “*Thế gian biến cải vũng nên đồi*” (Nguyễn Bình Khiêm) là vậy! Thế nhưng sông Vị vẫn chảy miên man, bến sông vẫn “*eo sèo mặt nước buổi đò đông*” ít nhất là trong ký ức nhà thơ vào những đêm mất ngủ. Bởi vậy mới có cái ngoái nhìn lại quá khứ để rồi “*giật mình còn tưởng*”, bàng hoàng, thảng thốt nhận ra dấu bể cuộc đời. Tôi hình dung Tú Xương đứng chênh vênh giữa hai bờ vực của quá khứ và hiện tại, trơ trọi, cô đơn và bất lực. Cái “*giật mình*” của ông sao ngậm ngùi, buồn rầu, nặng lòng quá thể! Con sông bị lấp đầy nhưng người ta đã vô tình đào ruỗng đáy tâm hồn đa cảm của nhà thơ!

Chắc là Tú Xương yêu lắm con sông quê của mình đến mức nó trở thành ám ảnh của tiềm thức? Con sông gắn liền với bến đò và những chuyến đò qua lại đưa khách sang sông, làm nên đặc trưng sinh hoạt của làng quê, sông nước Việt Nam. Đò dọc rồi đò ngang. Những chuyến đò dọc gọi lên những cảnh đời lênh đênh, thương hồ chìm nổi trên dòng trường giang. Còn đò ngang nối hai bờ ngăn cách, sao ấm áp bếp lửa gia đình quây quần, đoàn tụ lạ lùng! Tôi đã đi qua vài bến đò. Hình như với tôi chúng đều na ná giống nhau: nhộn nhịp, hối hả vào buổi sớm mai và đìu hiu, lặng lẽ về chiều. Hãy tưởng tượng quang cảnh bến đò chiều buồn lắm; tưởng tượng một vài người đợi đò phút chốc trở thành minh triết khi lơ đãng ngắm nhìn bèo dạt, nước trôi, mây trôi; tưởng tượng nghe văng vẳng tiếng gọi “*bớ đò ơi*”.

Chẳng hiểu sao tôi cứ đồng hóa bến đò sông Vị của nhà thơ Tú Xương với bến đò Gió trong truyện “Đôi bạn” của Nhất Linh. Ở đó có một chút eo sèo, ồn ào, ồm tỏi vang động bến sông, một chút hoang vắng tiêu sơ. Một chút nắng. Và lồng lộng gió. Và bậc tam cấp dẫn lên bờ gập ghềnh, khắp khểnh. Và mái lá xiêu vẹo, xác xơ của bà hàng nước... Có lẽ con sông Vị và cái bến đò ấy còn nhiều tuổi hơn nhà thơ. Nhưng cuối cùng người ta cũng xóa sổ chúng. Đó là hiển thị nhãn tiền của thời gian. Thời gian vận động, biến đổi không ngừng. Sông cạn, đất bồi là lẽ thường tình. Khi đất chật, người đông, “sinh năm đẻ bảy được vuông tròn” rồi phải “bồng bế nhau lên non” thì chuyện “sông kia rày đã nên đồng” là điều tất yếu. Thời bây giờ những nhà quản lý đô thị còn tính đến việc đào hầm dưới biển, dưới sông, làm đường trên không để thiết kế các tuyến métro thì thời đại Tú Xương, lấp sông là chuyện bé tẹo. Với nhà thơ thì khác. Đó là một sự kiện một biến cố, một sự đổi thay ghê gớm, không thể tưởng được. Tú Xương không phải là nhà quản lý dự phóng tương lai mà là một nhà thơ hoài niệm quá khứ. Có lẽ Tú Xương là một trong những người lạc lõng đương thời. Ông như Từ Thức từ tiên cảnh lạc lối về trần thế. Tất cả đều xa lạ, cảnh cũ người xưa đâu mất. Điều đáng buồn ở chỗ Tú Xương vẫn sống trong thế giới người, là một kẻ sĩ lạc lõng, cô đơn ngay trong chính ngôi nhà của mình, giữa người vợ tảo tần, chịu thương chịu khó và đàn con rách rưới như bố. Thế nên, chẳng có ai khác, chỉ có một mình ông mới nghe được văng vẳng bên tai tiếng gọi đò hoang tưởng thăm thẳm trong đêm tối mịt mùng.



Những rung cảm, chạnh lòng tưởng nghĩ một thời đã qua, ngậm ngùi trước những đổi thay của ông làm ta cảm thương, lây buồn. Kẻ hậu hậu sinh như tôi cũng mơ hồ có chút cảm giác nào đó

giống ông khi qua lại ngôi mỏ đá trên đường Nguyễn Tri Phương. Một trăm năm sau sẽ có ai đó kể rằng... ngày xưa ngày xưa, có một... quán café nằm núp bóng bụi trúc bên cạnh ngôi mộ cổ. Chắc vì thế mà người bạn thơ của tôi đặt tên quán... liêu trai. Những đêm trăng, mấy cô bán café như từ huyết mộ bước ra, hồ li ma mi, yếu điệu thướt tha, phảng phất hình sương bóng khói. Xuyên qua những cành trúc, trăng loang lổ trên mộ như những âm binh đang nhảy múa chốn trần gian. Còn sau những đêm mưa ẩm ướt, tiếng dế lách rích lẫn khuấy một điệu buồn thiên cổ. Có cái gì đó vừa lung linh huyền ảo, vừa như thật, nhập nhòa lẫn lộn cái biên giới tâm linh và đời thực. Tưởng chừng ngôi mỏ đá nằm bên lề đường, bên rìa dòng đời, đã vượt ra ngoài cõi thời gian sinh diệt... Một ngày, người ta đến rào kín nó rồi đập rồi khoan. Hóa ra mỏ đá vẫn nằm trong hữu hạn thường hằng. Không biết tiếng búa, tiếng khoan inh tai nhức óc ấy có làm thức tỉnh linh hồn của người khuấy mây, khuấy mặt dưới mộ? Nhưng những mảnh thời gian đã bong vỡ, nát vụn. Sỏi đá, cát bụi hàng trăm năm đã kết dính thành ngôi mộ đá để rồi bây giờ nó lại trở thành cát bụi hư không. Nó bị cào bằng có khác gì sông Vị của Tú Xương bị lấp đầy? Khi quan quách bị phá tung ra, bí mật thời gian của người xưa đã phơi trần dưới ánh mặt trời. Tôi cứ lẩn thẩn hỏi mình, liệu ba trăm năm sau nữa, hậu thế sẽ sẫm soi chút xương tàn sót lại nếu có của ai đó đang sống ở thế kỷ 21 này như thế nào?



Một đêm trăng nào, tôi đi qua đường Nguyễn Tri Phương. Chỗ trước kia là mỏ đá nay người ta đã tráng xi măng bằng phẳng thành lối bộ hành. Vẫn còn đấy vắng trăng muôn thuở nhưng đâu còn nữa ánh trăng huyền ảo trên mộ đá, giao thoa dương thế với âm ti? Trăng bây giờ chiếu xuống nền xi măng, dùng đục, lạnh và

vô cảm. Đó là thứ ánh sáng lơ lửng, nhợt nhạt tựa sơn phấn trát lên dung nhan người kỹ nữ già trong “*Tỳ bà hành*” của Bạch Cư Dị hay trong bài thơ “*Giang hồ*” của Lưu Trọng Lư. Tôi đi tìm tiếng gỏi nỉ non khúc phong cầm trên mộ chí như Tú Xương đi tìm tiếng gọi đò quá vãng. Không có gì hết ngoài sự im lặng khuya vắng và tiếng động cơ xe qua lại thưa thớt! Tôi nhìn thấy bóng tôi trên đường, lúc ngả dài, lúc thu ngắn lại. Tôi vung tay, đá chân thì cái bóng cũng làm y vậy. Chẳng khác gì chớp bóng. Bất chợt, tôi nhớ đến câu kệ của thiền sư Vạn Hạnh: “*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô*”. Tôi hiểu ra mọi người, mọi vật cũng chỉ là cái bóng trong càn khôn, vũ trụ này. Cổ nhân vô danh dưới lòng đất kia cùng ngôi mộ đá hay nhà thơ Tú Xương với dòng sông Vị cũng chỉ tồn tại một thời ngắn dài nào đấy rồi biến mất...

Tôi bước vào ngõ nhỏ. Trên đầu, trăng đi theo tôi, lặng lẽ. Rồi tôi đồng hành với trời và đất.

(Hạ 2008)